

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **145/2021/DS-ST**

Ngày 23 - 11 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh.

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2021/TLST-DS ngày 15/3/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2021/QĐXXST-DS ngày 15/7/2021, Thông báo không mở phiên tòa số: 28/TB-TA ngày 27/7/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số: 18/TB-TA ngày 15/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 706/2021/QĐST-DS ngày 03/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Hồng K, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nơi làm việc: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã K.

Địa chỉ trụ sở: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Thành Đ – Chủ tịch UBND xã K – là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2021 của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Bà K là chủ quán M kinh doanh quán ăn uống. Từ năm 2016 - 2018 thì ông T làm công chức tư pháp có trực tiếp liên hệ với quán của bà K để đặt ăn uống nhiều lần, bên bà K nhận nấu các món ăn và đồ uống do ông T đặt để tiếp khách, việc mua bán thì khi bên bà K cung ứng đồ ăn thức uống theo yêu cầu của ông T. Sau khi thanh toán thì ông T trả tiền mặt, còn không có tiền nhận hóa đơn và ký nhận nợ, sau khi ông T kê thanh toán chứng từ tại đơn vị được thì đem tiền mặt qua trả lại cho bà K. Quá trình hợp đồng mua bán tài sản (đặt ăn uống) ông T còn nợ bà K 01 số tiền chưa thành toán. Đến cuối năm 2018 ông T kết nợ và có làm biên nhận còn nợ lại 18.392.000 đồng. Đối với khoản nợ 27.488.000 đồng là ông T đến liên hệ để nhận hóa đơn chứ khoản nợ này ông T không có trực tiếp để đặt ăn tại quán bà K, khoản tiền 27.488.000 đồng bà K xác định do các cán bộ khác đặt ăn cho Ủy ban nhân dân xã K, đồng thời xác định khoản nợ này là bà K bán ăn cho Ủy ban nhân dân xã K.

Nay bà K rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 27.488.000 đồng với lý do cũng có hồ sơ khởi kiện lại Ủy ban nhân dân xã K. Đối với số tiền 18.392.000 đồng yêu cầu ông T phải trả.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Khi ông T làm công chức tư pháp hộ tịch thì có ký nhận các hóa đơn của quán bà K có số nợ 18.392.000 đồng, khi làm công chức văn phòng thống kê thì có ký nhận các hóa đơn của quán bà K có số nợ 27.488.000 đồng (Đối với các hóa đơn nợ 18.392.000 đồng là nợ tiền đặt ăn do ông T trực tiếp đặt để tiếp khách và có xin lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã K; đối với các hóa đơn có số nợ 27.488.000 đồng thì khi ông T về bộ phận văn phòng thống kê thì lãnh đạo kêu ông T đi lấy và có ký nhận chứ các hóa đơn này ai đặt ăn cho ai thì ông T không biết). Ông T xác định thừa nhận nợ bà K khoản nợ 18.392.000 đồng, cá nhân ông T sẽ xuất tiền ra trực tiếp trả, sau này ông T sẽ kê thanh toán chứng từ lại với Ủy ban nhân dân xã K sau.

Đối với các hóa đơn có số nợ 27.488.000 đồng không đồng ý trả theo yêu cầu của bà K. Ông T đồng ý trả cho bà K số tiền 18.392.000 đồng.

- Lời trình bày của người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã K có tại hồ sơ, thể hiện:

Ông Đ hiện đang là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K. Việc bà K khởi kiện ông T, thì ông có ý kiến các hóa đơn có số nợ 27.488.000 đồng theo ông T trình bày thì sau này làm rõ ra nếu nợ tập thể thì sẽ trình cấp trên xem xét giải quyết, còn nợ cá nhân nào thì cá nhân đó phải trả.

Việc bà K khởi kiện ông T thì đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp

luật.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về thời gian mở phiên tòa có vi phạm thời hạn nhưng rơi vào thời gian thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh Covid 19 nên thuộc trường hợp khách quan, do đó Viện kiểm sát không kiến nghị vấn đề này.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 18.392.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 27.488.000 đồng. Về án phí đề nghị hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn không thanh toán tiền đặt ăn uống tại quán nguyên đơn, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu thanh toán tiền đặt ăn và uống của quán nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Xét nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Qua lời trình bày của các đương sự thì xác định được giữa bà K và ông T có hợp đồng mua bán tài sản thông qua việc ông T đặt đồ ăn và đồ uống của quán M (do bà K làm chủ), giữa bà K và ông T hợp đồng mua bán tài sản (đặt ăn uống) diễn ra thời gian dài và ông T thừa nhận còn nợ bà K 01 khoản tiền đặt ăn uống (đã thực hiện xong) chưa thanh toán với số tiền 18.392.000

đồng, còn đối với số tiền 27.488.000 đồng thì lãnh đạo kêu ông T đi ký nhận hóa đơn chứ ông T không có đặt ăn tại quán bà K số tiền này. Sau đó bà K và ông T kết nợ lại với nhau và có làm biên nhận đối với 02 khoản tiền (18.392.000 đồng và 27.488.000 đồng), từ khi kết nợ cho đến nay thì ông T không có thanh toán cho bà K khoản tiền nào. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng mua bán tài sản là đồ ăn thức uống giữa bà K và ông T được giao kết trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, đối tượng của hợp đồng phù hợp theo quy định của pháp luật; giá, phương thức giao tài sản, địa điểm giao tài sản và phương thức thanh toán tiền các bên cũng tự nguyện thỏa thuận tại thời điểm giao kết hợp đồng và bên bà K là bên bán cũng đã giao đủ tài sản (đồ ăn thức uống) theo yêu cầu của ông T, đồng thời ông T là bên mua tài sản cũng đã nhận đủ tài sản (đồ ăn thức uống) do bên bà K giao, như vậy bên ông T phải có nghĩa vụ trả tiền mua tài sản (đồ ăn thức uống) cho bên bà K đúng, số tiền ông T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà K đã được các bên kết nợ với số tiền 18.392.000 đồng, nên ông T phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho bà K là phù hợp theo quy định tại Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 435, Điều 436, Điều 440 Bộ luật dân sự. Đối với khoản tiền 27.488.000 đồng, ông T xác định do lãnh đạo kêu ông T lấy hóa đơn chứ thực tế ông T không có đặt ăn trong số tiền này, tại phiên tòa bà K rút lại không yêu cầu đối với tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu của bà K đối với số tiền 27.488.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, do đó căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu của bà K đối với số tiền 27.488.000 đồng là đúng.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 18.392.000 đồng và đình chỉ xét xử yêu cầu của bà K đối với số tiền 27.488.000 đồng.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ các quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án buộc trả cho nguyên đơn. Đối với nguyên đơn do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 435, Điều 436, Điều 440 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Hồng K.

Buộc bị đơn Nguyễn Văn T có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn Lâm Hồng K số tiền 18.392.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn Lâm Hồng K đối với số tiền 27.488.000 đồng.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

Buộc bị đơn Nguyễn Văn T phải nộp là 919.600 đồng.

Nguyên đơn Lâm Hồng K đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền là 1.197.000 đồng theo biên lai thu số: 0004722 ngày 11/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải